

**QUY LUẬT VỀ SỰ PHÙ HỢP GIỮA QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ  
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở NƯỚC TA**

***RULE OF THE ACCORDANCE BETWEEN RELATIONS OF PRODUCTION AND  
PRODUCTIVE FORCES IN OUR COUNTRY***

**ThS. Lê Phương Anh Võ**

**Khoa Lý Luận Chính Trị**

**SĐT: 0938.113.484**

**Email: lephuonganhvo@mtu.edu.vn**

**Tóm tắt:**

Bài viết trình bày một số vấn đề xung quanh việc nhận thức và vận dụng quy luật về mối quan hệ giữa hai phạm trù lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở nước ta. Thông qua đó bài viết đề cập đến việc tiếp cận để nhận thức và vận dụng quy luật này một cách phù hợp hơn trong thời điểm hiện nay.

*Từ khóa: quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, đổi mới.*

**Abstract:**

This writing presents certain problems focusing on the perception and the rule application in relation between two categories, productive forces and relations of production. By this presentation, I also show how to approach to perceive and apply this rule accordingly at the present.

*Keywords: relations of production, productive forces, renew.*

**1. Đặt vấn đề**

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta đã yêu cầu phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, trong đó có quan hệ “*giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa*”[4, tr.73]. Nhìn lại quá trình nhận thức và vận dụng mối quan hệ này trong thời gian qua thì chúng ta cũng đã đạt được một số thành tựu to lớn góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên chúng ta cũng mắc phải một số sai lầm và hạn chế, chính những điều này đã dẫn đến những sự trì trệ trong quá khứ và cản trở đất nước trong tiến trình hội nhập hiện nay. Do đó, việc nhận thức và vận dụng mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa một cách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam sẽ góp phần thực hiện thành công mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

**2. Bản chất quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**

Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất được thể hiện thành một quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển xã hội loài người - quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đây cũng là quy luật cơ bản, phổ biến tác động trong toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại và cùng với các quy luật khác làm cho lịch sử loài người vận động từ thấp đến cao, từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn, quy định sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội như là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt cấu thành của một phương thức sản xuất nhất định. Trong đó *“lực lượng sản xuất là chính là toàn bộ các nhân tố vật chất, kỹ thuật của quá trình sản xuất, chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau tạo ra sức sản xuất làm cải biến các đối tượng trong quá trình sản xuất, tức tạo ra năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội”*[1, tr.52], còn quan hệ sản xuất là *“mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội)”*[1, tr.52].

Theo quy luật khách quan, quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Phù hợp ở đây có nghĩa quan hệ sản xuất phải là *“hình thức phát triển”* tất yếu của lực lượng sản xuất, tạo địa bàn, động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Thế nhưng, khác với quy luật của tự nhiên, quy luật xã hội là quy luật hoạt động riêng biệt của con người, vì nó tồn tại và tác động thông qua hoạt động của con người, gắn với điều kiện thực tiễn, hoàn cảnh lịch sử - cụ thể. Vì vậy việc nhận thức và vận dụng quy luật xã hội nói chung, quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng phải phù hợp với điều kiện thực tiễn cụ thể của từng quốc gia dân tộc, từng giai đoạn phát triển của đất nước và sự biến đổi của tình hình quốc tế.

### **3. Nhận thức và vận dụng quy luật này trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta**

#### **3.1. Thời kỳ trước đổi mới**

Ở nước ta, từ khi bắt tay vào xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội cho đến trước Đại hội VI (năm 1986) của Đảng thì chúng ta đã mắc phải bệnh chủ quan duy ý chí, nóng vội và bệnh bảo thủ trì trệ do vi phạm các quy luật khách quan, đặc biệt là quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Sự nóng vội thể hiện ở chỗ khi chúng ta muốn nhanh chóng xây dựng quan hệ sản xuất mới đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa, điều này được thực hiện bằng cách xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế trong xã hội cũ, nhanh chóng biến thành phần kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh. Đành rằng, khi muốn xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa thì lẽ đương nhiên là phải xóa bỏ chế độ tư hữu, Mác đã từng khẳng định: *“những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này: xóa bỏ chế độ tư hữu”*[2, tr.616]. Tuy nhiên, việc xóa bỏ chế độ tư hữu nhằm chuyển mọi tư liệu sản xuất vào trong toàn xã hội thông qua hình thức công hữu là mục tiêu rất lâu dài và còn phải phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và nhất là nó phải nhằm phục vụ việc phát triển nền sản xuất.

Trong thực tế, việc chúng ta tiến hành cải tạo một cách ồ ạt các thành phần kinh tế, cũng như quá chú trọng thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng việc giải quyết các khâu tổ chức, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm, nhất là hình thức sở hữu này không gắn với trình độ của lực lượng sản xuất lúc bấy giờ, điều này đã dẫn tới việc không tìm ra cơ chế gắn người lao động với sản xuất. Tính chủ động, sáng tạo của người lao động bị giảm đi vì mọi tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội phải được sử dụng theo phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước. Tư liệu lao động từ chỗ là tài sản riêng của người lao động bỗng chốc trở thành những tư liệu được tập thể hoá nên đã làm suy yếu đi một lực lượng sản xuất to lớn. Mặt khác, việc chúng ta duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã làm kìm hãm sự phát triển của đất nước. Đúng như văn kiện Đại hội VI đã khẳng định: *“Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ: lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”*[5, tr.58].

Nhận thức ra những sai lầm và hạn chế trong vấn đề trên nên Đảng ta đã đề ra công cuộc đổi mới. Công cuộc đổi mới xét về thực chất chính là quay trở về với quy luật, với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm kiếm những giải pháp phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại. Đó là cả một quá trình tìm tòi, sáng tạo, cần phải rút kinh nghiệm từ thực tiễn để vạch ra những bước đi tiếp theo, Lênin đã chỉ ra rằng *"chúng ta không thể coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm, trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà người xã hội chủ nghĩa phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu như họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống"*[6, tr.232].

### **3.2. Thời kỳ đổi mới cho đến nay**

Tại Đại hội VI - Đại hội khởi đầu công cuộc đổi mới, Đảng ta đã phê phán bệnh chủ quan duy ý chí do vi phạm quy luật khách quan mà trước hết và chủ yếu là quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Từ đó Đại hội đã rút ra bài học quan trọng là *"Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan"*[3, tr.30].., phải *"làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất"*[3, tr.30].

Trên tinh thần đó, và xuất phát từ tình hình thực tiễn đất nước, tại Đại hội VI Đảng đã đề ra chủ trương thực hiện đường lối đổi mới đất nước, trước hết là đổi mới tư duy. Đảng nhận thức rõ nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất trong thời gian qua (trước Đại hội VI) là do những sai lầm, thiếu sót trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trong quá trình tiến hành cải tạo xã hội cũ và trong cơ chế quản lý kinh tế. Chính vì vậy mà tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế đề ra lần này là nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong đó có thành tựu về nhận thức và vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nên 30 năm qua nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên trong việc nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thời gian qua thì bên cạnh những thành tựu đạt được nó cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, xuất hiện những mâu thuẫn mới làm cản trở sự phát triển của cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất.

Trước hết, mặc dù đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, song thực chất vẫn là nước nghèo, kinh tế còn lạc hậu, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với thế giới và khu vực ngày càng lớn. Mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại khó có thể đạt được. Hiện nay các ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo, chế tác, phụ trợ... còn kém phát triển, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong GDP. Năng suất lao động, hiệu quả, chất lượng, hay sức cạnh tranh trên thị trường thế giới còn rất thấp. Lực lượng sản xuất yếu kém như vậy sẽ quy định trình độ, chất lượng của quan hệ sản xuất mà chúng ta gọi là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cũng không thể hoàn thiện được.

Bên cạnh đó, chúng ta vẫn chưa có cái nhìn toàn diện, đồng bộ trong xây dựng, hoàn thiện các mặt của quan hệ sản xuất. Vẫn còn xu hướng nặng về thay đổi chế độ sở hữu hơn là cải tiến, đổi mới quan hệ quản lý và phân phối. Vì thế chưa thể gọi quan hệ sản xuất hiện nay ở nước ta là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (theo đúng nghĩa của từ đó) bởi vì nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đang thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chưa có lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại làm cơ sở cho quan hệ sản xuất mới. Những hạn chế này có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Về khách quan, việc chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với đa hình thức sở hữu, quản lý, phân phối, đa thành phần kinh tế là mô hình kinh tế chưa có tiền lệ trong lịch sử, nên chúng ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Về chủ quan, thì trong công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về kinh tế thị trường, về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong điều kiện một nước lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập... nhằm kịp thời điều tiết, bổ sung trong quá trình thực hiện thì chúng ta còn rất nhiều hạn chế, bất cập, nhiều vấn đề phải mò mẫm, nhất là trong việc vận dụng quy luật này. Đó là lí do việc nhận thức “*lại*” một cách đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp với thực tiễn Việt Nam trở thành một nhu cầu cấp thiết.

Vấn đề là nếu như vào thời kỳ trước đổi mới, chúng ta đã mắc phải sai lầm khi quá chú trọng vào việc xây dựng yếu tố quan hệ sản xuất trước trong khi quan hệ sản xuất mới này chưa có sự phù hợp và đồng bộ với lực lượng sản xuất của chúng ta vào thời điểm bấy giờ. Điều này dẫn đến những bất cập và hạn chế cho cả nền kinh tế, kéo theo đó là các vấn đề chính trị xã hội. Sau này chúng ta đã khắc phục sai lầm bằng cách chú trọng hơn vào việc xây dựng lực lượng sản xuất trước, điều này được thể hiện khi thực hiện nền kinh tế đa thành phần kể từ đại hội VI. Thực tiễn đã chứng minh sự đổi mới của chúng ta trong nhận thức và thực hiện là hiệu quả và tích cực. Tuy nhiên sau một thời gian thực hiện sự đột phá trong nền kinh tế thì chúng ta đang phải đối diện với những vấn đề nghiêm trọng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn ở các vấn đề chính trị xã hội.

Nguyên nhân cơ bản có lẽ là do sự nhận thức của chúng ta về mối quan hệ giữa hai phạm trù này vẫn thiếu đi tính biện chứng cần thiết, trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì chúng ta vẫn nhận thức theo kiểu trước, sau. Điều này được thể hiện ở chỗ, ngày trước chúng ta đã phạm sai lầm khi đi xây dựng quan hệ sản xuất trước, sau này vào thời kỳ đổi mới thì chúng ta sửa sai bằng cách chú trọng vào việc xây dựng lực lượng sản xuất trước. Theo tôi thì cả hai sự nhận thức này đều có những hạn chế nhất định, *đúng hơn thì phải nhận thức là “đồng thời” xây dựng cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, trong đó chú trọng yếu tố lực lượng sản xuất*. Điều này có nghĩa là tùy thuộc vào tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất như thế nào thì chúng ta phải xây dựng quan hệ sản xuất sao cho tương ứng và phù hợp.

Nhận thức này xuất phát từ cách nhìn nhận theo tinh thần của phép biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Trong đó vật chất là yếu tố có trước và đóng vai trò mang tính quyết định. Thế nhưng vấn đề cần lưu ý ở đây là vật chất có trước và quyết định như thế nào. Chúng ta không thể nhận thức một cách siêu hình rằng vật chất hay yếu tố vật chất luôn

là cái có trước và lúc nào cũng đóng vai trò mang tính quyết định. *Cái có trước hay tính quyết định là khi chúng ta xem xét đến tận cùng, còn trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể thì vật chất và ý thức luôn có sự tác động đan xen qua lại lẫn nhau.* Sự vận động và tồn tại của hai yếu tố này như là sự song hành, chứ không chỉ đơn thuần là sự trước sau xét về góc độ thời gian hay vai trò của từng yếu tố.

Do đó, khi chúng ta nhận thức về việc xây dựng cái này trước, cái kia sau, hay quá chú trọng chỉ vào một yếu tố trong mối quan hệ giữa hai phạm trù này là không phù hợp với tinh thần của phép biện chứng và thực tiễn xã hội. Có thể xem lực lượng sản xuất là “*nội dung vật chất*” của quá trình sản xuất, còn quan hệ sản xuất là “*hình thức xã hội*” của quá trình đó[1], vì thế trong quá trình vận dụng vấn đề này vào thực tiễn thì chúng ta cần có tư duy biện chứng, linh hoạt. Thực tế đã chứng minh trong thời gian qua khi chúng ta đã có những thành tựu vượt bậc về kinh tế và xã hội, nhưng kèm với đó là những bất ổn và mâu thuẫn trong xã hội cũng ngày càng tăng khi chúng ta chưa giải quyết một cách hài hòa về các vấn đề sở hữu, cũng như các khía cạnh tổ chức hay phân phối. Điều này dẫn đến những sự bất ổn về mặt xã hội và có nguy cơ kìm hãm quá trình phát triển kinh tế và xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

#### **4. Kết luận**

Tóm lại, trong thời điểm hiện nay thì việc chúng ta xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa để thông qua đó góp phần vào việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội đã trở thành một vấn đề cấp thiết. Để làm được điều này thì trong công tác lý luận chúng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy và nhất là phải chú trọng quan điểm *phát triển đồng bộ, hài hòa cả về lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất.* Chỉ khi trong nhận thức chúng ta có một cách nhìn đúng đắn và phù hợp trên cơ sở tinh thần phép biện chứng của chủ nghĩa Mác thì từ đó mới có thể hoàn thiện về thể chế và mô hình nền kinh tế mà chúng ta theo đuổi, góp phần vào sự thành công trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
- [2]. C.Mác-Ăng ghen, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2004.
- [3]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
- [4]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [5]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- [6]. V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 4, Nxb.Tiến bộ, Mátxcova, 1978.

Vĩnh Long, ngày tháng 8 năm 2019

**Khoa Lý Luận Chính Trị**

**Người viết**

**Lê Phương Anh Võ**